

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST  
Ngày: 23 – 5 – 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Anh Việt;
- Ông Lê Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lâm Hoàng Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 23/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Cao Thị X, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Phú, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Trần Thị Ngọc K, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân Nhuận Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Hồ Thị Kim M, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Phú, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn bà Cao Thị X, chị Trần Thị Ngọc K trình bày:

Vào ngày 03/11/2022 bà X và chị K có cho chị Hồ Thị Kim M vay số tiền 469.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tài sản có công chứng tại Phòng công

chứng Châu Thành (không có biện pháp bảo đảm) lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay là 1 năm, trả lãi hàng tháng với số tiền 4.690.000 đồng.

Sau thời gian vay thì chị M có chuyển khoản trả tiền lãi với số tiền 3.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay. Nhiều là bà X, chị K đến nhà, gọi điện thoại, nhắn tin nhưng chị M chỉ hứa hẹn. Nay hợp đồng cho vay đã quá hạn nhưng chị M không trả tiền gốc và lãi nên bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K yêu cầu chị Hồ Thị Kim M trả lại số tiền gốc 469.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/01/2023 **đến ngày xét xử sơ thẩm** là 469.000.000 đồng x 1 % x 16 tháng 20 ngày = **78.166.660 đồng (làm chẵn 78.166.000 đồng)**.

- Bị đơn chị Hồ Thị Kim M trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, mặc dù đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị M vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

1.1. Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện thì bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K yêu cầu chị Hồ Thị Kim M trả số tiền vay và lãi phát sinh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo **khoản 3** Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Theo hợp đồng vay tài sản đã ký kết ngày 03/11/2022 thì chị Hồ Thị Kim M đang cư trú tại ấp Thạnh Phú, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền.

1.3. Đối với chị Hồ Thị Kim M dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng chị M vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Xét việc bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K yêu cầu chị Hồ Thị Kim M trả khoản tiền vay và lãi, Hội đồng xét thấy như sau:

Theo hợp đồng cho vay tài sản không có biện pháp đảm bảo ngày 03/11/2022 với nội dung cụ thể:

- Bên cho vay bà Cao Thị X và Trần Thị Ngọc K (bên A), bên vay Hồ Thị Kim M (bên B).

- Điều 1: Tài sản vay là số tiền 469.000.000 đồng.

- Điều 2: Thời hạn vay là 01 (một) năm, tính từ thời điểm hợp đồng được công chứng.

- Điều 3: Lãi suất vay: Hai bên tự thỏa thuận là 1% tháng và thời gian trả lãi: Trả lãi hàng tháng.

- Điều 5: Phương thức trả nợ: Bên B trả đủ số tiền vay nêu tại điều 1 của hợp đồng này cho bên A khi hết thời gian vay.

Hợp đồng vay có công chứng tại phòng công chứng Châu Thành, có chữ ký, họ tên Hồ Thị Kim M và dấu vân tay dưới vị trí bên B (bên vay), đồng thời bà X, chị K xác định trong quá trình vay chị M cũng có chuyển khoản trả tiền lãi được 3.000.000 đồng rồi ngưng. Khi Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, thông báo đương sự trình bày ý kiến... mục đích cho chị M biết nội dung bà X và chị K đang khởi kiện nhưng chị M không đến Tòa án cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về việc này.

Do đó đủ cơ sở xác định việc chị Hồ Thị Kim M có vay của bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K số tiền 469.000.000 đồng.

Xét việc chị Hồ Thị Kim M lúc vay tiền là tự nguyện nhưng trong quá trình thực hiện thì chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 5 trong hợp đồng nên việc bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K yêu cầu chị Hồ Thị Kim M trả khoản vay còn thiếu là có cơ sở chấp nhận. Do đó cần buộc chị Hồ Thị Kim M có trách nhiệm trả cho bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K tiền vốn gốc 469.000.000 đồng.

#### *[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi:*

Trong hợp đồng tại Điều 3 có ghi: Lãi suất vay hai bên tự thỏa thuận là 1%/tháng, thời gian trả lãi trả hàng tháng.

Theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận 1%/tháng phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Như vậy mỗi tháng chị M phải trả khoản tiền lãi là 469.000.000 đồng x 1% x 1 tháng = 4.690.000 đồng.

Về thời gian trả lãi: Bà X, chị K xác định sau khi vay thì chị M đã đóng lãi được số tiền 3.000.000 đồng ngưng cho đến nay nên số tiền lãi mà chị M phải đóng tiếp cho bà X, chị K từ ngày 03/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 469.000.000 đồng x 1% x 16 tháng 20 ngày = 78.166.660 đồng (**làm chẵn 78.166.000 đồng**). Riêng đối với số tiền lãi mà chị M đóng còn thiếu của tháng 12/2022 là 1.690.000 đồng thì bà X và chị K không yêu cầu chị M đóng tiếp số tiền này. Như vậy ngoài số tiền vốn gốc 469.000.000 đồng thì chị M còn phải trả cho bà X, chị K tiền lãi là **78.166.000 đồng**.

*[2.3] Xét việc chị Hồ Thị Kim M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ vì:*

Theo hợp đồng vay tài sản ngày 03/11/2022 tại thời điểm thỏa thuận thì chị M cung cấp địa chỉ liên hệ là ấp Thạnh Phú, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho chị M theo địa chỉ nêu trên để thông báo cho chị M biết về nội dung mà bà X, chị K đang khởi kiện nhưng chị M đều không có mặt ở nhà tại thời điểm tổng đạt nên Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng theo đúng địa chỉ mà chị M cung cấp trong hợp đồng vay tài sản được công chứng trước đó.

Theo điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn trường hợp cung cấp đúng địa chỉ của người bị kiện:

*a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn.*

Theo quy định trên cho thấy mặc dù chị M biết khoản nợ vay của mình chưa thanh toán xong và Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng chị M không đến Tòa án xem như chị M đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc trình bày ý kiến liên quan khoản vay mà bà X và chị K đang kiện. Do đó Hội đồng xét xử vẫn buộc chị Hồ Thị Kim M có nghĩa vụ trả các khoản nợ được nêu trên cho bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K.

[2.4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K nên chị Hồ Thị Kim M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

## **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K.

- Buộc chị Hồ Thị Kim M có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị X và chị Trần Thị Ngọc K số tiền gốc 469.000.000 đồng và **78.166.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 547.166.000 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hồ Thị Kim M phải chịu 25.886.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Ngọc K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.988.000 đồng theo biên lai thu số 0002250 ngày 18/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bà Cao Thị X thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (Bình).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hồng Loan**